

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST
Ngày: 08-9-2022
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Nguyễn Tường Bích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* N đơn: **Lê Thị P**, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 11, ấp VC, xã VQT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã VQT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nguyễn Minh N, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã VQT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2021, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, N đơn Lê Thị P trình bày:

Trong năm 2017, bà Lê Thị P có làm chủ hội và chị Nguyễn Thị D là hội viên, chị D có tham gia chơi 02 dây hội như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội 500.000 đồng, khai kỳ đầu tiên vào ngày 20/6/2017 (Âm lịch, tháng 6 sau, năm nhuận), dây hội này gồm có bao nhiêu hội viên, bà P không nhớ rõ, gồm 36 phần, mỗi tháng khai một kỳ vào ngày 20 (Âm lịch) hàng tháng. Chị Nguyễn Thị D tham gia chơi 01 phần. Sau khi khai hội xong, chị D đóng hội được 01 kỳ, đến kỳ khai thứ hai thì chị D bỏ hội và hốt hội. bà P giao đầy đủ số tiền hốt hội cho chị D với số tiền là 10.620.000 đồng. Hốt hội xong, chị D đóng hội chết đến ngày 20/12/2018 (Âm lịch) được 18 phần hội chết, sau đó chị D ngưng không đóng nữa. Dây hội này đến ngày 20/4/2020 (Âm lịch) là mãn hội. Như vậy, chị D còn thiếu lại bà P 16 phần hội chết với số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng, hội khai kỳ đầu tiên vào ngày 10/12/2017 (Âm lịch), dây hội này gồm có bao nhiêu hội viên, bà P không nhớ rõ, gồm 33 phần, mỗi tháng khai một kỳ vào ngày 10 (Âm lịch) hàng tháng. Chị Nguyễn Thị D tham gia chơi 01 phần. Sau khi khai hội xong, chị D đóng hội được 02 kỳ, đến kỳ khai thứ ba (Ngày 10/02/2018 âm lịch), chị D bỏ hội và hốt hội. bà P giao đầy đủ số tiền hốt hội cho chị D với số tiền là 18.450.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Hốt hội xong, chị D đóng hội chết đến ngày 20/12/2018 (Âm lịch) được 10 phần hội chết. Đến ngày 10/01/2019 âm lịch, chị D ngưng không đóng nữa. Dây hội này đến ngày 10/8/2020 (Âm lịch) là mãn hội. Như vậy, chị D còn thiếu lại bà P 20 phần hội chết với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Tổng cộng hai dây hội, bên chị Nguyễn Thị D còn thiếu bà Lê Thị P số tiền là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Sau khi mãn hai dây hội trên, bà Lê Thị P gặp chị Nguyễn Thị D nhiều lần để đòi số tiền hội còn thiếu là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) nhưng chị D không trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị P vẫn giữ N quan điểm tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2021, cụ thể bà P yêu cầu chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh N phải liên đới hoàn trả cho bà P số tiền hội còn thiếu là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) đồng thời không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2022, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị P về việc trong năm 2017, chị D có tham gia chơi 02 dây hội do bà Lê Thị P làm chủ hội về mệnh giá hội, số phần hội

của từng dây hụi , thời gian hốt hụi và số tiền chị nhận của từng dây hụi cũng như thời gian mãn hụi. Sau khi hốt hụi xong, bên bà Lê Thị P giao tiền hụi đầy đủ cho chị D. Tuy nhiên, dây hụi thứ nhất: Hụi 500.000 đồng, hụi khai kỳ đầu tiên vào ngày 20/6/2017, chị D đã đóng hụi chết đến ngày 20/4/2019 âm lịch, do đó, dây hụi này, chị D còn thiếu bà P chỉ có 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, hụi khai kỳ đầu tiên vào ngày 10/12/2017 (Âm lịch), dây hụi này, bên chị D đóng hụi chết đến ngày 10/4/2019 âm lịch, do đó, chị D chỉ còn thiếu lại bên bà P 16.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng hai dây hụi trên, bên chị D còn thiếu lại bên bà P số tiền là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng). Chị D và anh N kết hôn vào năm 2009, chị D tham gia chơi hụi để có lời, phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình nhưng anh N không biết chị chơi hụi, việc chị chơi hụi không liên quan đến anh N. Đối với thông báo số 20/TB-TA ngày 25/5/2022 về việc yêu cầu giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre, chị không có chứng cứ để giao nộp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị D đồng ý hoàn trả cho bà P số tiền hụi còn thiếu là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), tuy nhiên hoàn cảnh kinh tế gia đình chị D đang gặp khó khăn, chị yêu cầu trả dần, mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh N trình bày:

Anh N thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của chị Nguyễn Thị D, anh N và chị D kết hôn vào năm 2009, do đó anh N đồng ý tự nguyện liên đới với chị Nguyễn Thị D để hoàn trả cho bà Lê Thị P số tiền hụi còn thiếu là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), tuy nhiên hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, anh N yêu cầu trả dần, mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu phường.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn Lê Thị P.

Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh N phải liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị P số tiền hội còn thiếu là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng)

Ghi nhận việc bà Lê Thị P tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị P là chủ hội, chị Nguyễn Thị D là hội viên, bà P yêu cầu chị D hoàn trả số tiền hội cho bà P. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, bị đơn Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh N cư trú tại ấp VT, xã VQT, huyện BD, tỉnh Bến Tre, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BD là đúng theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội D vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy trong năm 2017, bà Lê Thị P có làm chủ 02 dây hội bao gồm: Dây hội thứ nhất: Hội 500.000 đồng, hội khai kỳ đầu tiên vào ngày 20/6/2017 (Âm lịch, tháng 6 sau, năm nhuận); Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng, hội khai kỳ đầu tiên vào ngày 10/12/2017 (Âm lịch), chị Nguyễn Thị D thừa nhận có tham gia chơi 02 dây hội này, đồng thời thừa nhận có hốt hội và nhận tiền hội đầy đủ từ bà Lê Thị P nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chị D cho rằng, dây hội thứ nhất đóng hội chết đến ngày 20/4/2019 âm lịch; Dây hội thứ hai đóng hội chết đến ngày 10/4/2019 âm lịch, do đó, bên chị D chỉ còn thiếu lại bà Lê Thị P số tiền hội là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng). Lời trình bày của bị đơn Nguyễn Thị D nhằm phản đối lại yêu cầu khởi kiện của N đơn Lê Thị P, do đó bên bị đơn Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện BD đã tổng đạt hợp lệ thông báo số 20/TB-TA ngày 25/5/2022 về việc yêu cầu giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, chị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn Nguyễn Thị D không chứng minh được việc chị D đóng hội chết đối với dây hội thứ nhất đến ngày 20/4/2019 âm lịch; Đóng hội chết đối với dây hội thứ hai đến ngày 10/4/2019 âm lịch. Do đó, yêu cầu khởi kiện của N đơn Lê Thị P về việc yêu cầu bên bị đơn Nguyễn Thị D phải hoàn trả số tiền hội còn thiếu là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu chị Nguyễn Thị D và anh

Nguyễn Minh N trả tiền lãi số tiền trên.

[4] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh N tự nguyện liên đới với chị Nguyễn Thị D hoàn trả tiền hui cho bà Lê Thị P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh N cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn và yêu cầu mỗi tháng trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là cách thực hiện việc trả nợ nên không xem xét, các bên được quyền thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[6] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là: 28.000.000 đồng X 5% = 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biên phurong; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P đối với chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh N về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh N phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị P số tiền hui còn thiếu là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng)

Ghi nhận việc bà Lê Thị P tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh N phải có nghĩa vụ liên đới chịu 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị P số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005923 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự bà Lê Thị P, chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Minh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi